

HỌC GIẢ PHAN NGỌC

“SỐNG MỚI TỐT CUỘC ĐỜI NHƯ BÉ NHỎ NG CÓ ÍCH”

TS. Đào Xuân Quang

Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

1. Tròn tuổi 95, học giả Phan Ngọc, vợ già ng s cũ cùng c a th h nh ng ng i th y “xây n n đ p móng” cho Trường Đại học Sĩ phạm Văn khoa thu ban đ u (1954), ti n thân c a kh i khoa h c xã h i và nhân văn hai trường Đại học Sĩ phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội, nhà qu c h c uyên bác và tài hoa còn l i c a m t n n h c v n mà văn-ng -s -tri t b t phân... đã h c giá v n du đ v mi n an l c v i h ng. B n g qua bao gh nh th c c a m t th i đ i nhi u bi n đ ng, Ông đ n tu i đ i th này nh tâm h n thanh khi t su t đ i ch bi t vui cùng sách v và cũng nh bàn tay chăm sóc t n tình t t c nh ng yêu th ng c a Bà. Ông đ l i m t t m g ng v tinh th n mi t mài t h c, v ý chí b n b mà v t lên nh ng tr c tr c a m t th i, v kh n n g s đ ng m i m y ngo i ng cùng m y ch c đ ch ph m phong phú v th lo i t v n ch ng đ n khoa h c và đ đ ng v ng n g t Anh, Pháp, Nga, Đ c đ n Hán c , Latin, Hy Lạp, v.v. Đ ng tr c m t t ng dài kh ng l v trí tu , ta ch ng th v i vàng ng m l y tr n v n s k v , b i kho ki n th c đ s y , bi t bao nhà nghiên c u trong và ngoài n c đã nghi n ng m, đã lu n bàn, th m chí còn trích đ n nh m t chân lý, t nh ng ý t ng g i m l óe sáng cho t i c h th ng l p lu n v ng ch c. L a ki n v n h n h p c a mình, t i ch n m t góc nhìn khác. T i mu n ghi l i nh ng g i m c a Phan Ngọc (có th đ i v i riêng t i) t nh ng đ ng g p đ i v i v n h c, ng h c và v n hóa h c, nh ng lĩnh v c Ông đ l i nhi u đ u n.

Khi t i l n lên, đ c theo ông mình đ n th m Ông Phan Ngọc thì nh ng “chuy n h m qua” c a cũ c đ i Ông đã “nh n c ch y v đ ng” c r i. T i còn nh nh in n t ng tuy t đ p khi l n đ u tiên đ c g p Ông. B a y Ông đã v t ng ng “c lai hy” nh ng khí ch t c ng ng mà khoan hòa, phong thái ung dung mà nghiêm c n... th t h t nh nh ng t ng

Tôi ngọc cả tôi và mới nhà hiên triết phong Đông phương mới xa và ỉ nào đó cả mây cả trời bồng bồng
lôi. Tôi sống cuốn hút ý, tôi lôi bồng / đời cuốn hút còn mới nh mới h mới nh ngọc câu chuyện cả
Ông. Tôi thu thiêu thiêu “quê hương văn hóa” Huế đời nh ngọc tháng ngày ỉ Việt Bắc gian lao,
tôi Hồngkong mới n đầm và ỉ bồng đời s Hân học Nhiêu Tông Di (1911) cho tôi phòng học thi o cả
đời học Paris Sorbonne danh giá, v.v.. Tôi hay lôi thăm Ông Bà đời đời say sả nghe Ông chia
sả và cuốn đời h mới s phong phú Ông đã trời qua. Đó là tên tôi Nh Thành, mà sau này Ông
dùng làm bút danh, và n đời c thân sinh lôi tôi câu “áp chót” trong áng văn bồng h cả Tôi ngọc
Nho – bài Tây minh: “ *Bên trời n u thích dung ngọc nh vu thành dã* (Truyện Tái) đời làm sáng
rõ h tên chính đã đời đời theo tên mới ngọc n núi mới Ông sinh ra (núi Ngọc, Tĩnh Gia, Thanh
Hóa); đó là việc Ông đã cả u cả u H ch tôi ch mà có thể và quê đón cha kíp thi thoát khỏi
nh ngọc sai lầm cả mới thi c c t ; đó còn là chuyện và bài viết “Niềm và cả văn học không
phải là giới thích chính sách” cùng nh ngọc h lôi kéo theo sau đó, v.v. Nh ngọc mới cuốn nói
chuyện, dù dài hay ngắn, và ỉ vãi hay thông, cuốn cùng đời quay trở lôi nh ngọc suy tôi không
lúc nào ngừng nghỉ và chuyên môn. Tôi hiểu r ngọc, đời và ỉ Ông, b ngọc giá trời cả cuốn đời này
n mới đầu. Tôi nh tôi nh ngọc công trình cả Ông.

2. Suốt h mới trăm năm qua, bàn luận và Ki u, bình phẩm và Ki u và nghiên cứu và Ki u
đã thu hút đời đời r mới thi c giới, bài Truyện Ki u là mới kiết tác cả dân tộc. Trong nh ngọc
công trình viết và Truyện Ki u, ***Tim hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Ki u*** (hoàn
thành cả b mới năm 1965 rồi tiếp thi c chỉnh lý đời l mới xu mới b đời tiên năm 1985 do Nxb. Khoa
học xã hội mới n hành) là mới đời mới không thể không nh c t i. Có nhà nghiên cứu r mới kĩ tính
cũng phải thi a nh n: “Công trình này làm sang cho học giới”, lôi có nh ngọc kíp luận (có phần
cả đoạn) cho r ngọc: “Khó luận mới nh t và Ki u là cả Phan Ngọc”. Thông thường, các công
trình nghiên cứu Truyện Ki u chủ tiếp trung vào văn b mới tác phẩm đời phân tích cái đời cả câu
ch, cái tinh thần nhân văn cả cả truyện, rồi tùy theo s cả m thi cả cá nhân ngọc ỉ viết mà
ngôi ca học ch giới. Họ qu là đã thi ngọc không ít mới n ngọc sinh nh ngọc cuốn bút chì mới xoay
quanh thân phận nàng Ki u. Phan Ngọc đã đời đời tâm đời nh ngọc tranh luận y đời minh đời nh
mới cách hiểu cả riêng mình nh ngọc đời thuy đời phong và Truyện Ki u.

Trời tiên, Ông ý thi c đời cả vi c cả n xây đời mới b công cả khách quan – ngành
phong cách học, mới phân ngành ngọc đời nh ngọc triết học học đời lý giới văn học. Ngoài
vi c xác lập nh ngọc công cả mang tính lý luận và thao tác phong cách học đời phân tích, Ông
đời bồng chú trời đời cách tiếp cả n thi c ch ngọc thi hình thi c nh ngọc hình dung và s t ngọc h p
hài hòa cả hình thi c đời đời mới dung, nh mới tìm ra nh ngọc đời m Nguyễn Du thiên tài,
không học cả nhân và cũng không nh thi đời. Đời đời Phan Ngọc tôn vinh Nguyễn Du mới m mới
nh ngọc thi tác giới Truyện Ki u làm đời đời mà trời đời đời cả ai đời đời đời và sau đó cũng ch có
th mới noi theo. B ngọc nh ngọc triết học và lịch sả và xã hội, Phan Ngọc đã ch ngọc minh thi t ngọc trung
tâm “tài mới nh t ngọc đời” mà ngọc đời đời hay nh c thi trong phân tích Truyện Ki u là câu chuyện
cả đời ngọc thi Lê mới - Nguyễn sả và r mới thiêu tác giới, tác phẩm cũng đã thi ngọc giới nh c, song
Nguyễn Du đã khái quát thành và n đời thi đời. “ *Ta cả n phải nh có câu chuyện tài
mới nh t ngọc đời là vì có Truyện Ki u* ”

[P. Ngọc 1985; 52]. Cùng với xác lập h thi t ngọc nh mới n thi c căn b mới, tài năng cả Nguyễn Du

nguyên nhân và tình thế không dễ gì tìm hiểu được.

3. Sau những tháng ngày ở phòng thí nghiệm khoa Ngữ văn, đến những năm 80, Phan Ngọc đã tìm hiểu về Việt Nam Đông Nam Á. Và từ đây, Ông đã tìm hiểu về các trình bày những ý tưởng của mình. Cuốn sách **Tìm hiểu xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á** (cùng với Việt Nam Địch Dân, Việt Nam Đông Nam Á xuất bản năm 1983) là một bước đột phá khi đưa, “giới thiệu” những cách tiếp cận ngôn ngữ, và những quan tâm đến những cấu trúc ngữ pháp, từ lâu đã chi phối nghiên cứu tiếng Việt. Những nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, một trong những nhà Phan Ngọc đã đưa ra những lý giải cho những khác biệt của một ngôn ngữ từ cấu trúc bên trong cũng như những hành vi của một ngôn ngữ khác, chứ không đơn thuần chỉ là những vay mượn từ ngữ, ngữ pháp của một ngôn ngữ khác, một vài hiện tượng ngữ pháp, v.v.. Và Ông đi tìm hiểu về những đáp ứng những ngôn ngữ không bị nhìn nhận tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, đưa ra những cách tiếp cận song ngữ luận từ ra các hiện tượng và hiểu biết. “*Một cách tiếp cận song ngữ luận hay đa ngữ luận riêng cho khu vực Đông Nam Á là có sự khác biệt*” [P. Ngọc 1983;19], bởi một sự nguyên nhân của Phan Ngọc phân tích những kho ngữ pháp địa lý, quá trình chinh phục, nhu cầu giao lưu kinh tế và văn hóa. Từ đây, Phan Ngọc xem xét sự tiếp xúc ngữ nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Hán ở nhóm từ Hán Việt và những hiện tượng của ngữ pháp các ngôn ngữ châu Âu trong sự tiếp xúc với tiếng Việt, những hiện tượng lý giải về những cấu trúc ngôn ngữ của những tiếng Việt.

Những nghiên cứu về những hiện tượng ngữ nghĩa của từ Hán Việt, từ những phân loại về hình thức và kết hợp của các yếu tố Hán Việt, Ông xem xét những quan hệ quy định những thái độ nội dung của từ Hán Việt và đưa ra những: “*câu chuyện ở Hán-Việt có vẻ khác hẳn ở thuở trước... những hiện tượng là do những yếu tố B [yếu tố gốc Hán] nên một hiện tượng và những hiện tượng do những yếu tố B này có sự khác biệt về xu hướng hay ít. Nếu sự khác biệt càng ít, thì càng là những hiện tượng nào đó càng ít, thì tính chất khác biệt, khó hiểu càng cao*” [P. Ngọc 1983; 180]”. Lý giải về sự tiếp xúc mang tính pha trộn pháp luận giữa hai ngôn ngữ cùng thuộc một loại hình ngôn ngữ như tiếng Hán và tiếng Việt ở bình diện nội dung, Phan Ngọc đã đưa ra khái niệm “tính đa ngữ”, một bước tiến trong việc bổ sung thêm sự thái độ ngữ nghĩa, tác động đến sự thay đổi, có thể đã đưa ra những chú ý song ngữ pháp khái quát. Còn về ngữ pháp, sự sao chép cấu trúc ngữ pháp châu Âu (chủ yếu là tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Anh) vào tiếng Việt là một phân tích những hiện tượng về hiện tượng tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ khác nhau về loại hình, những hiện tượng minh tác động to lớn của hiện tượng này đưa vào công cuộc hiện đại hóa tiếng Việt. Những điều tiên trong Việt ngữ học, Ông đã so sánh ngữ pháp tiếng Việt trước và sau khi có sự tiếp xúc với các ngôn ngữ châu Âu, đưa ra những khu biệt hóa danh từ, động từ, tính từ, phó từ, v.v. những hiện tượng đi kèm như số, vị, cái, đã, sự, rồi, một, cách, v.v.; đưa ra những điều kiện về các công cụ giải thích và liên hệ mà danh từ và động từ cùng với những danh từ và động từ đã đưa ra những điều kiện hóa; và cũng đưa ra những điều kiện chuyển hóa giữa danh từ và động từ (chuyển từ loại), đưa ra biệt là chuyển hóa câu đơn thành câu phức những hiện tượng về vị và vị trí một phần cú pháp hoặc thành câu những hiện tượng cùng đưa ra những hiện tượng một cách năng lực pháp về những hiện tượng cú pháp có thể những dài liên tục, v.v.. Cái đích mà Phan Ngọc hướng tới là pháp luật của một mô

hình ngữ pháp tiếng Anh và tiếng Việt, nghĩa trên ngữ liệu tiếng Việt, mặt ngôn ngữ không bị hình. Ý tưởng này là một gợi ý mới nhất của học giả Phan Ngọc về các nghiên cứu Việt ngữ học tiếp nối đi sâu và mở rộng, dù là phân tích ngữ pháp tiếng Việt cổ điển hay nghiên cứu di sản tiếng phát triển của ngữ pháp tiếng Việt theo chiều lịch sử.

Với ba phần viết trong một cuốn sách chỉ 300 trang, Phan Ngọc đã thực hiện một bước chuyển quan trọng trong tiến trình nhận thức. Ông không chỉ nêu một cách tiếp cận mới – đa ngữ luận và các nghiên cứu thay thế logic tiếp cận ngữ luận như nghiên cứu đúng bản chất tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á. Nghiên cứu sau đó là phát hiện và bước chuyển tiếp xúc nhập một đề tài quan trọng của các dân tộc thuộc khu vực này. Đề tài cùng bước chuyển và phương pháp tiếp cận, Phan Ngọc cũng có một bước chuyển và lĩnh vực nghiên cứu. Ông đã đi từ ngữ văn học đến văn hóa học.

4. Không giống như các nhà nghiên cứu đi sâu từng chuyên ngành rồi mới bàn các vấn đề khái quát hơn, trước tiếng Anh, gợi ý chung là văn hóa, Phan Ngọc nhận quán trong việc đề xuất hình mặt ngành khoa học mang tên Văn hóa học với đề ý đề tài tiếng riêng, phương pháp riêng và hệ thống ngữ riêng. Trong công trình tiêu biểu và đáng kể **Văn hóa Việt Nam, một cách tiếp cận mới** (Nxb.

Văn hóa thông tin xuất bản lần đầu năm 1994 và tái bản nhiều lần) khởi đầu cho những cuốn sách bàn về văn hóa tiếp sau, Ông nhận mạnh tới ba thuộc ngữ trung tâm:

quan hệ, địa chất

và

đề khúc xạ

đề phân tích về đề tài tiếng và phương pháp của ngành văn hóa học. Đề tài tiếng nghiên cứu của ngành khoa học này tất nhiên phải là “văn hóa” nhưng không mới mẻ mà với một nội hàm đề cập Phan Ngọc xác định khúc chiết: “

Đề tài tiếng của văn hóa chỉ có thể là mối quan hệ qua lại giữa địa chất và địa chất học, địa chất học, địa chất học thành ngữ kiến địa chất, địa chất học thành một đề khúc xạ riêng có một mối liên hệ

” [P. Ngọc 1994; 114-115]. Ông chứng minh chính vì cái quan hệ vô hình ý mà con người sẽ mô hình hóa những gì trong đầu óc (thế giới biểu tượng) thành những sự vật, hoạt động cụ thể bên ngoài (thế giới thực tại

[2]

). Với thế hiện thực không phải là văn hóa mà cái sống này mới thực sự có trí tuệ của con người mới là văn hóa. Và cũng chính vì cái quan hệ ý và thế giới biểu tượng mới có những địa chất riêng để hình thành nên những văn hóa khác nhau. Phan Ngọc mở ra khái niệm khúc xạ của vật lý học, hiện tượng tia sáng đi qua môi trường khác nhau sẽ có những lệch khác nhau, để tìm hiểu sự thâm nhập của một hiện tượng ngoại lai vào một cộng đồng văn hóa nơi tiếp qua địa chất. Ở điểm này, đề xuất như một suy tư về tiếp xúc trong ngôn ngữ đã được nói dài, đề cập mở rộng đến phạm vi của văn hóa. Cùng với việc khu biệt đề tài tiếng, những phân tích của Ông xoay quanh những thế xác lập một thao tác mang tính kỹ thuật nhưng gợi thích đề khúc xạ trong văn hóa, cụ thể hơn là văn hóa Việt Nam. Thao tác luận, như Phan Ngọc định danh, là

các bước để tìm cách lý giải hiện tượng ng nhút quẩn và chột chột, chứ không phải câu chuyện cung cấp tri thức chung chung. Ông đã trở thành công trong việc lý giải tâm thức của Nguyễn Du thơ hiện trong Truyện Kiều và bước để đưa công nghệ vào nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

Xuất phát từ hình thức để đào sâu tìm hiểu nội dung, giá trị và ý nghĩa của những hình thức này, công trình Văn hóa Việt Nam, một cách tiếp cận mới đã góp một tiếng nói quan trọng về bản sắc văn hóa Việt Nam: “ *Bản sắc văn hóa do đó không phải là một vật mà là một tư duy quan hệ. Quan hệ kết hợp, chi phối lẫn nhau giữa các yếu tố khác nhau như ng thơ nên một thể thơ ng như thơ u cổ k đi u...ng ở Việt Nam là một thể y văn nghệ thuật bricolage*

[3]

” [P. Ngọc 1994; 108-109]. Phan Ngọc trở thành một người ra tiếp xúc là để trình bày nội dung của lý và lịch sử của Việt Nam. Vì vậy, tiếp cận văn hóa với những tiếp xúc từ những ngôn ngữ khác nhau để rồi với tiếp xúc mà thâm hóa những hiểu biết khác nhau của các hiện tượng văn hóa ngoài lại trên “bản sắc” tâm thức bản địa là bản sắc của văn hóa Việt Nam – một nền văn hóa tiếp giáp.

Tất nhiên, những công việc mang bản chất khai phá chưa đã hoàn thành những mong muốn của người tiếp xúc, cũng khó lòng thâu tóm ngay được các giá trị, nhất là với một lĩnh vực văn chương, văn hóa chi tiết như văn hóa. Những ý tưởng nghệ thuật xuyên suốt và công sức bản thân tìm tòi gây dựng ngành văn hóa học thành một ngành khoa học chính danh để giải mã tâm thức của người Việt xưa ng đáng để Phan Ngọc để lại những một góc nhìn mới của nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam hiện đại.

5. Với những công trình mang những giá trị nghiên cứu căn bản như thế, với những công minh lập lý luận như thế, cùng những luận điểm luận cứ và truyện cảm hứng như thế, những ghi nhận dành cho Phan Ngọc thế nào đã tưởng tượng được? Những đóng góp như Ông chúng ta y để tâm! Ông chọn cách tiếp cận một người chủ nhân những của Nho giáo. Lập luận không oán thán và lập luận không đòi hỏi. Có những ý kiến cho rằng Phan Ngọc muốn xây dựng cho mình lý thuyết riêng. Điều này thật đáng hi vọng! Bởi Ông mang một cách của một nhà nho, mà lại là nhà nho “gàn” xưa. Nghèo khó nghèo những hiểu học, truyện văn (Phan Ngọc luôn tự thâu nhận mình là “ông đồ gàn”) nên tận sâu trong Ông là con người một chính thức. Và một nhà nho chính thức sẽ luôn bất thôi thúc bởi một nhu cầu chính đáng: để bày tỏ chính kiến của mình. Chính kiến là một chung một đích cuộc đời của tất cả những ai có bản lĩnh và có trí tuệ.

Phan Ngọc không nghĩ tới danh, càng không quan tâm tới lợi, những ông luôn canh cánh một việc nhỏ ng đóng góp cho non sông. Trong những lập tâm sự, Ông hay nhắc tới những phẩm chất của cuộc đời mình: “ *Sống mới tốt cuộc đời như bé nhỏ ng có ích*”. Với những công trình

không học như bé, để tận dụng được học giả và tiếp tục suy ngẫm và tranh luận, tôi có sẵn khả năng tiếp thu sau tiếp tục tìm tòi và hoàn thiện, Phan Ngọc đã sống mới cuộc đời có ích như ông học tâm nguyện n./.

[1] Lý thuyết này lấy việc làm để như duy nhất của câu và các tham từ biến chi phối xung quanh. Giới Viết học, và a mà đây thôi khi biến sang thế kỷ XXI, đã thay đổi quan điểm này như là có sẵn của cấu trúc nội dung liên quan đến tình huống quan điểm của phần ảnh trong câu, và được định danh là “Nội dung sự tình” hay “Nghĩa miêu tả”.

[2] Có lẽ nên hiểu thế giới thực tại của Phan Ngọc bao gồm cả như ng biến hiểu về thế và phi về thế do con người tạo ra.

[3] Bricolage vốn có nguồn gốc từ tiếng Pháp với ý nghĩa sắp xếp hoặc chế tác từ như ng thu vụn vặt, sẵn sài trong đời sống, cũng như trong văn học và nghệ thuật; ở đây có thể hiểu theo nghĩa mở rộng là việc xây dựng hoặc sáng tạo một loạt như ng thu có sẵn.